



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.02373**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Povidone Iodine U.S.P  
**Số lượng/ khối lượng** : 80 thùng/2.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Adani Pharmachem Pvt Ltd. (India)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : UV-AD 27032025 ngày 24/3/2025  
Hóa đơn số : APPL/05/25-26 ngày 14/4/2025  
Vận đơn số : 157525100637  
Ngày sản xuất : 4/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3557/HQ-GDK-TTKN ngày 22/05/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250035531)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY CỔ PHẦN UV**  
Địa chỉ: Lô số 18, khu G, Đường D1, KCN An Hạ, xã Tân Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 1373 /QĐ-TTKN  
Ngày 03 tháng 7 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Văn Yên**



**BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH**

**1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)**

| Doanh nghiệp/<br>ngày mã hoá       | Mã mẫu           | Quy chuẩn áp<br>dụng                                | Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân<br>tích |            | Ghi chú                |
|------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần<br>UV<br>23/6/2025 | 0625298/<br>HQP2 | Mục 2.1 bảng 1<br>QCVN 02 - 32 - 1:<br>2019/BNNPTNT | Povidone<br>Iodine<br>U.S.P         | Iodide (%) | BNNPTNT2<br>9250035531 |

**Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu,  
01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm**

**NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ**



**Nguyễn Thế Linh**

**2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm**

| Người thực hiện    | Đơn vị               | Thời gian ( ghi<br>rõ.... giờ,<br>ngày.../.../... | Phòng thí<br>nghiệm được<br>lựa chọn | Ghi chú |
|--------------------|----------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| Nguyễn Thế<br>Linh | Trung tâm Vùng<br>II | 17h30 ngày<br>23/6/2025                           | ASTAC                                |         |

**BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH**

**1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)**

| Doanh nghiệp/<br>ngày mã hoá       | Mã mẫu           | Quy chuẩn áp<br>dụng                                | Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân<br>tích |                                              | Ghi chú                |
|------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần<br>UV<br>29/5/2025 | 0525378/<br>HQP2 | Mục 2.1 bảng 1<br>QCVN 02 - 32 - 1:<br>2019/BNNPTNT | Povidone<br>Iodine<br>U.S.P         | As vô cơ (mg/kg)<br>Pb (mg/kg)<br>Iodide (%) | BNNPTNT2<br>9250035531 |

**Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu,  
01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm**

**NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ**



**Nguyễn Thế Linh**

**2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm**

| Người thực hiện    | Đơn vị               | Thời gian ( ghi<br>rõ.... giờ,<br>ngày.../.../... | Phòng thí<br>nghiệm được<br>lựa chọn | Ghi chú |
|--------------------|----------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| Nguyễn Thế<br>Linh | Trung tâm Vùng<br>II | 17h30 ngày<br>29/5/2025                           | ASTAC                                |         |



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 25V02TND05536

Ngày: 01/07/2025

|                            |                                                                |
|----------------------------|----------------------------------------------------------------|
| Đơn vị yêu cầu và gửi mẫu: | Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II |
| Tên mẫu theo khai báo:     | Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản                  |
| Ký hiệu mẫu:               | 0625298/HQ V2                                                  |
| Ngày nhận mẫu:             | 23/06/2025                                                     |
| Ngày trả kết quả:          | 01/07/2025                                                     |

## I. Tình trạng mẫu

- Mẫu dạng bột, đựng trong túi PE kín, khối lượng khoảng 200g, do khách hàng gửi tới.

## II. Kết quả thử nghiệm

| STT | Tên chỉ tiêu thử nghiệm | Đơn vị | Kết quả thử nghiệm | Phương pháp thử       |
|-----|-------------------------|--------|--------------------|-----------------------|
| 1   | Iodide <sup>(1)</sup>   | %      | 14.6               | Dược Điển Việt Nam IV |

### Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận phân tích;
- Các chỉ tiêu đánh dấu <sup>(1)</sup> đã đăng ký hoạt động;
- Tên hàng, ký hiệu mẫu, tên đơn vị yêu cầu là do đơn vị yêu cầu cung cấp; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- Khi sao chép phải đảm bảo toàn vẹn nội dung phiếu kết quả này trừ trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của phòng thí nghiệm.

PHÂN TÍCH VIÊN

Trần Văn Bính

VINACONTROL - TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ THỬ NGHIỆM 1  
GIÁM ĐỐC

This certificate/report is the intellectual property of Vinacontrol; issued solely to Vinacontrol's Client on the basis of agreed requirements between Vinacontrol and Client; and, in accordance with the "General Terms and Conditions of Service" published at <http://www.vinacontrol.com.vn/cat/general-terms-and-conditions>. Any unauthorized copy, alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is illegal and violators may be prosecuted to the law.

Chứng thư/kết quả này là tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của Vinacontrol, được phát hành dành riêng cho khách hàng của Vinacontrol, trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Vinacontrol và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải tại <http://www.vinacontrol.com.vn/cat/dieu-khoan-chung>. Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
ANALYTICAL REPORT  
Số/No.: 5841/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 171225051209

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 30/05/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 30/05/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0525378/HQV2                           | Iodide (Quy đổi từ hàm lượng Iodine)   | %                   | 5,56               | Dược điển Việt Nam 5 tập 1      |
|                                        | Asen (As)                              | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 8900-9:2012                |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 8900-7:2012                |

Cần Thơ, ngày/date: 03/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.